

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Tuyến đường giao thông
đoạn tránh Ngã Ba Chè, từ xã Thiệu Trung đến
Thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị Quyết số 64/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường giao thông đoạn tránh Ngã Ba Chè, từ xã Thiệu Trung đến Thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2115/SXD-HĐXD ngày 31/3/2022 về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Tuyến đường giao thông đoạn tránh Ngã Ba Chè, từ xã Thiệu Trung đến Thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa (kèm theo báo cáo thẩm định số 1774/SXD-HĐXD ngày 21/3/2022 và hồ sơ thiết kế dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Tuyến đường giao thông đoạn tránh Ngã Ba Chè, từ xã Thiệu Trung đến Thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Tuyến đường giao thông đoạn tránh Ngã Ba Chè, từ xã Thiệu Trung đến Thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Thiệu Hóa và xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

5. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 9,15ha.

6. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Nhóm B, Công trình giao thông, cấp II.

7. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long.

8. Mục tiêu đầu tư: Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông của huyện theo quy hoạch; chia sẻ lưu lượng phương tiện tham gia giao thông trên QL45 (đoạn tuyến Ngã Ba Chè); tạo điều kiện để mở rộng, phát triển đô thị, thu hút đầu tư trên địa bàn huyện, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

9. Quy mô và nội dung đầu tư:

9.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng mới tuyến đường với chiều dài 2.035,86m, theo tiêu chuẩn đường trục chính đô thị (QCVN07-4:2016/BXD), có: Chiều rộng nền đường $B_n = 25\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m = 2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$; chiều rộng giải phân cách giữa $B_{pc} = 3\text{m}$; lề đất $B_{ld} = 2 \times 0,5\text{m} = 1\text{m}$.

9.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

9.2.1. Bình đồ: Hướng tuyến tuân thủ theo Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vạn Hà được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 16/6/2021, có:

- Điểm đầu Km0+00 giao với Quốc lộ 45 tại Km62+0.000 thuộc địa phận thị trấn Thiệu Hóa.

- Điểm cuối Km2+35,86 giao với Quốc lộ 45 tại Km64+200.00 thuộc địa phận xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa.

9.2.2. Thiết kế mặt cắt dọc:

- Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường và cao độ các điểm khống chế quy hoạch trên tuyến và cao độ Quốc lộ 45.

9.2.3. Cắt ngang:

Bề rộng nền đường $B_{nền} = 25\text{m}$, bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 2 \times 10,5$, bề rộng lề đất $B_{lề} = 2 \times 0,5\text{m}$, bề rộng giải phân cách $B_{pc} = 3\text{m}$, độ dốc ngang mặt đường 2%, lề đất 4%.

9.2.4. Nền đường:

Nền đường chủ yếu là nền đắp bằng đất đạt độ chặt $K \geq 0,95$, riêng lớp sát kết cấu áo đường dày 30cm đạt độ chặt $K \geq 0,98$. Đối với trường hợp nền đào vào đất không đạt yêu cầu về độ chặt thì dưới đáy lớp K98 phải xáo xới đất nền và

đảm lại để đảm bảo 50cm tiếp theo có độ chặt $K \geq 0,95$. Độ dốc mái taluy nền đắp: 1/1,5 trong phạm vi chiều cao đắp $H < 6,0m$.

9.2.5. Kết cấu áo đường: Mặt đường cấp cao A1 đảm bảo cường độ mặt đường $E_{yc} \geq 155Mpa$. Cụ thể như sau:

- Lớp BTN chặt C19 dày 6cm; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²;
- Lớp BTN chặt C19 dày 6cm; tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1kg/m²;
- Lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm;
- Lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 35cm.

9.2.6. Các nút giao: Có 02 vị trí tuyến giao với QL45 tại điểm đầu và điểm cuối tuyến, cụ thể như sau:

- Nút giao Km0+00: Giao cắt với Quốc lộ 45 tại lý trình Km62+0.00; Nút giao bằng, dạng ngã ba điều khiển bằng biển báo, vạch sơn, phân luồng giao thông bằng các đảo giao thông, bố trí đầy đủ các làn tăng, giảm tốc trên QL45.

- Nút giao Km2+35,86: Giao cắt với Quốc lộ 45 tại lý trình Km62+200.00; Nút giao bằng, dạng ngã ba điều khiển bằng biển báo, vạch sơn, phân luồng giao thông bằng các đảo giao thông, bố trí đầy đủ các làn tăng giảm tốc trên QL45.

9.2.7. Đường giao dân sinh: Đường giao dân sinh được thiết kế vượt nối vào tuyến chính, bán kính vượt nối tối thiểu $R = 3m$, độ dốc dọc (tối đa 6%) vượt nối vào các đường giao dân sinh theo cao độ tuyến chính

9.2.8. Thoát nước mặt: Hai bên tuyến chủ yếu là ruộng, vườn, thoát nước mặt đường chủ yếu bằng chảy toả. Đối với các đoạn qua khu dân cư thuộc nút giao QL45, bố trí rãnh dọc chịu lực để đảm bảo thu và thoát nước mặt khu dân cư.

9.2.9. Thoát nước ngang: Toàn dự án bố trí 15 công thoát nước ngang bằng công hộp khẩu độ = (BxH)m từ (1,5x1,5) đến 2x(3,0x3,0)m. Kết cấu móng bằng BTCT M150 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, thân công BTCT M300, bản chuyển tiếp BTCT M250, tường cánh bằng bê tông M150.

9.2.10. Tuynel ngang: Tại các vị trí nút giao theo quy hoạch bố trí tuynel ngang đường bằng công hộp khẩu độ (BxH) = (1,5x1,5)m. Kết cấu móng bằng BTCT M150 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, thân công BTCT M300.

9.2.11. Hệ thống ATGT: Xây dựng đồng bộ hệ thống an toàn giao thông theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2019/BGTVT.

9.2.12. Chiếu sáng:

- Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng dọc 2 bên đường theo đúng quy hoạch chung thị trấn Thiệu Hóa được duyệt và trong phạm vi các nút giao với QL45.

- Vị trí nguồn điện được lấy từ TBA hiện có. Cấp điện cấp nguồn từ trạm biến áp tới tủ điều khiển chiếu sáng và từ tủ chiếu sáng đến các cột đèn chiếu sáng trên đường là loại cáp bọc thép Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC luồn trong ống nhựa xoắn HDPE chôn ngầm dưới đất ở độ sâu 0,7m đối với đoạn chạy dọc theo lề đường hoặc ở độ sâu 1m đối với đoạn băng qua đường.

- Đèn chiếu sáng trên tuyến: bố trí các cột đèn bát giác cân rời cao 9m , cần đèn cao 2m, tổng chiều cao 11m lắp bộ đèn chiếu sáng LED 150W, khoảng cách trung bình giữa các cột đèn 30m/cột.

(chi tiết có hồ sơ TKCS kèm theo)

10. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

11. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 146.972.481.000 (Một trăm bốn sáu tỷ, chín trăm bảy hai triệu, bốn trăm tám một nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí GPMB:	41.812.030.000	đồng.
- Chi phí xây dựng:	80.881.882.000	đồng.
- Chi phí thiết bị:	1.620.488.514	đồng.
- Chi phí QLDA:	1.533.801.000	đồng.
- Chi phí TV ĐTXD:	4.299.681.000	đồng.
- Chi phí khác:	1.371.116.000	đồng.
- Dự phòng:	15.453.482.000	đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

12. Nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực 40 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh 60 tỷ đồng; vốn ngân sách huyện Thiệu Hóa, nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác 47 tỷ đồng.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

14. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2025

15. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Phù hợp với quy mô và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Tổ chức thực hiện: Giao UBND huyện Thiệu Hóa làm chủ đầu tư tiêu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư.

16. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại báo cáo số 1774/SXD-HĐXD ngày 21/3/2022.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình; trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Xây dựng tại văn bản số 1774/SXD-HĐXD ngày 21/3/2022.

- UBND huyện Thiệu Hóa tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ BIỂU: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Dự án: Đường tránh Ngã ba chè, từ xã Thiệu Trung đến thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)
Đơn vị tính : đồng

TT	Hạng mục chi phí	Diễn giải tính toán	Thành tiền (sau VAT)
I	CHI PHÍ GPMB		41.812.030.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG		80.881.882.000
1	Nền đường	Theo dự toán chi tiết	17.450.047.000
2	Mặt đường	nt	37.433.516.000
3	Dải phân cách	nt	961.806.000
4	Hệ thống thoát nước mưa	nt	15.626.701.000
5	An toàn giao thông + Đảm bảo ATGT	nt	3.635.220.000
6	Hệ thống chiếu sáng	nt	5.774.591.769
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	nt	1.620.488.514
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	(Gxd+Gtb) trước thuế x 2,023%	1.533.801.000
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD		4.299.681.000
1	Chi phí khảo sát lập dự án đầu tư và cắm cọc GPMB		708.291.000
2	Chi phí khảo sát thiết kế bước BVTC	Tạm tính	200.000.000
3	Chi phí lập Báo cáo NCKT	(Gxd+Gtb) trước thuế x 0,445%	364.381.966
4	Chi phí thiết kế bước BVTC	Gxd trước thuế x 1,262%	1.012.920.314
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gxd trước thuế x 2,044%	1.640.577.752
6	Chi phí giám sát thi công thiết bị	Gtb trước thuế x 0,677%	10.970.707
7	Chi phí lập cam kết bảo vệ môi trường	Tạm tính	100.000.000
8	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT thi công công trình (bao gồm cả bảo hiểm công trình)	G(xd+bh) trước thuế x 0,121%	97.405.680
9	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT lắp đặt thiết bị	Gtb ^{trước VAT} x 0,261%	4.229.475
10	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT tư vấn TKBVTC và DT	Gtv trước thuế x 0,816%	8.265.430
11	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT tư vấn giám sát thi công	Gtvgs trước thuế x 0,756%	12.402.768

TT	Hạng mục chi phí	Diễn giải tính toán	Thành tiền (sau VAT)
12	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT tư vấn kiểm toán	Gkt trước thuế x 0,816%	4.236.205
13	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT thi công công trình (bao gồm cả mua sắm, lắp đặt thiết bị và bảo hiểm công trình)	Mức tối đa	50.000.000
14	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT tư vấn giám sát thi công	Tối thiểu	2.000.000
15	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT tư vấn thiết kế BVTC và DT, lập hồ sơ cấm cọc GPMB	Tối thiểu	2.000.000
16	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT tư vấn kiểm toán	Tối thiểu	2.000.000
17	Chi phí thẩm định giá vật tư, vật liệu, thiết bị	Tạm tính	80.000.000
VI	CHI PHÍ KHÁC		1.371.116.000
1	Lệ phí thẩm định dự án	50% x TMĐT x 0,011%	8.084.962
2	Chi phí kiểm toán độc lập	TMĐT x 0,327%	528.756.486
3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	50% x TMĐT x 0,214%	157.289.252
4	Chi phí rà phá bom mìn	Khái toán (9,0ha x 30 triệu/ha)	270.000.000
5	Bảo hiểm công trình	(Gxd+Gtb)trước thuế x 0,290%	241.859.857
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	Tạm tính	20.000.000
7	Chi phí nghiệm thu đóng điện cáp ngầm chiếu sáng	Dự toán chi tiết	51.338.889
8	Chi phí đảm bảo giao thông	Dự toán chi tiết	93.787.000
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		15.453.482.000
1	Chi phí dự phòng	(I+II+III+IV+V+VI) x 8,9%	11.705.190.868
2	Chi phí dự phòng do trượt giá	(I+II+III+IV+V+VI) x 2,85%	3.748.291.458
	TỔNG CỘNG	(I+II+III+IV+V+VI+VII)	146.972.480.514
	LÀM TRÒN		146.972.481.000